

Bản án số: 228/2026/HS-ST
Ngày 10-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quảng Văn Tiễn; Bà Lương Thị Khuyển

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quốc Huy – Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Giàng A Mơ- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 230/2026/TLST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Cầm Văn N**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 18/10/1989, tại **xã C, tỉnh Sơn La**; nơi cư trú: **Bản L, xã C, tỉnh Sơn La**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 05/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ, Đảng, đoàn thể: Không; con ông **Cầm Văn S** và bà **Cầm Thị N1** (đã chết); Bị cáo có vợ là **Cà Thị B** và 03 con (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2026 đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 12/5/2026, **Cầm Văn N** đang ở nhà tại bản Là, **xã C** thì có **Lèo Văn V** (hay gọi là anh **Đông N2**), sinh năm 1979, trú tại bản Ten Pạnh (nay là bản Là), **xã C, tỉnh Sơn La** gọi điện thoại qua số thuê bao “0386019312” của **N** và nói “đã có hàng rồi em sang lấy đi” thì **N** trả lời “Vâng để em mang 600.000 đồng sang bây giờ” thì **V** bảo **N** đến đường rẽ lên nhà Công Biên ở **bản L**. Khoảng 10 giờ cùng ngày, **N** mang theo số tiền 600.000 đồng đi bộ một mình từ nhà ở bản Là đến bản Ten Pạnh (nay là bản Là), **xã C, tỉnh Sơn La**. Khi đến điểm hẹn thấy Văn đứng ở đó chờ, gặp nhau **N** lấy tiền từ trong túi quần

đang mặc đưa cho **V** 600.000 đồng. Nhận được tiền **V** đưa cho **N** 01 gói nilon màu hồng bên trong có chứa 10 viên hồng phiến, **N** nhận lấy rồi cất vào trong túi quần đang mặc. Mua được ma túy, **N** quay về nhà, khi về đến nhà do lên cơn thèm ma túy nên **N** đã vào phòng ngủ của mình lấy 01 viên hồng phiến ra để sử dụng hết, số còn lại **N** cất vào trong túi quần bên phải đang mặc rồi đi nằm ngủ. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi **N** đang ngủ tại nhà mình thì tổ công tác **Công an xã C** đến kiểm tra phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ vật chứng 09 viên nén màu hồng.

Cùng ngày Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh S** tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của **Cầm Văn N**. Kết quả không phát hiện thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Ngày 13/5/2026 tại Tổ địa bàn **Sông M** - **Công an tỉnh S**. Hội đồng bóc mở niêm phong đã tiến hành cân tịnh, xác định khối lượng và trích mẫu giám định, kết quả: 09 viên nén màu hồng có khối lượng là 0,92 gam đã sử dụng toàn bộ để làm mẫu gửi giám định ký hiệu N.

Tại bản kết luận giám định số 853/KL-KTHS, ngày 18/5/2026 của **Phòng K Công an tỉnh S**, kết luận: “*Mẫu gửi giám định ký hiệu N là ma túy, loại Methamphetamine; Khối lượng của mẫu giám định là 0,92 gam.*”

H lại mẫu gửi giám định: *Các viên nén, mảnh viên nén màu hồng ký hiệu N có khối lượng 0,52 gam và vỏ phong bì niêm phong mẫu giám định đã bóc mở*”.

Bản cáo trạng số: 165/CT-VKSSLA-KV ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La truy tố bị cáo **Cầm Văn N** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố phát biểu quan điểm luận tội đối với bị cáo, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra, cũng như diễn biến tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố **Cầm Văn N** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo **Cầm Văn N** phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Cầm Văn N** từ 3 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong dán kín lại: Mặt trước phong bì ghi “**H** lại mẫu giám định vụ **Cầm Văn N** – Tàng trữ trái phép chất ma túy, bắt ngày 12/5/2026. Mẫu N

= 0,52 gam”. Mặt sau phong bì tại mép giáp lại được dán giấy niêm phong của Công an tỉnh S, mã số: 0005602. Trên đoạn niêm phong có chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia niêm phong, cùng 01 dấu đỏ của Phòng K - Công an tỉnh S.

Trả lại cho bị cáo Cẩm Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A53.

Về án phí: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo nhất trí với nội dung bản cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát; thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và khi được nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Cơ quan Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo Cẩm Văn N thừa nhận ngày 12/5/2026 bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép 09 viên Hồng phiến có khối lượng là 0,92 gam, loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân thì bị phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả điều tra được chứng minh như sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 15 giờ 00 phút ngày 12/5/2026 của Tổ công tác Công an xã C; Biên bản khám xét; Vật chứng thu giữ trong vụ án; Biên bản bóc mở niêm phong, cân tịnh, trích rút mẫu giám định và niêm phong lại vật chứng; Kết luận giám định số 853/KL-KTHS, ngày 18/5/2026 của Phòng K Công an tỉnh S và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết, chứng cứ mới.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo Cẩm Văn N đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 165/CT-VKSSL-KV ngày 21/8/2026 của VKSND khu vực 3 truy tố bị cáo về tội danh trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, không oan sai cho bị cáo.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có bà nội được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến, đồng thời bị cáo trình bày thông tin con nhỏ dưới 06 tuổi của bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo, nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính đối với bị cáo: Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa thấy rằng bị cáo không có tài sản riêng có giá trị, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 phong bì niêm phong dán kín lại: Mặt trước phong bì ghi “H lại mẫu giám định vụ **Cầm Văn N** – Tàng trữ trái phép chất ma túy, bắt ngày 12/5/2026. Mẫu N = 0,52 gam”. Mặt sau phong bì tại mép giáp lại được dán giấy niêm phong của **Công an tỉnh S**, mã số: 0005602. Trên đoạn niêm phong có chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia niêm phong, cùng 01 dấu đỏ của **Phòng K - Công an tỉnh S**. Xét thấy đều là vật Nhà nước cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A53 đã thu giữ của bị cáo. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định là tài sản hợp pháp của bị cáo, mặc dù bị cáo khai đã sử dụng chiếc điện thoại này để trao đổi mua bán ma túy ngày 12/5/2026, tuy nhiên quá trình xác minh và kết quả cung cấp thông tin của **Cục B1** không có sự liên lạc giữa bị cáo và đối tượng **V** như bị cáo đã khai, nên không liên quan đến việc phạm tội. Tại phiên tòa bị cáo đề nghị xin lại chiếc điện thoại. Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự cần trả lại cho bị cáo.

[8] Về các vấn đề khác liên quan đến vụ án:

Đối với **Lèo Văn V**, sinh năm 1979, trú tại bản Là, **xã C, tỉnh Sơn La** theo bị cáo khai là người đã bán ma túy cho bị cáo vào ngày 12/5/2026. Tại Cơ quan điều tra **Lèo Văn V** khai nhận ngày 12/5/2026, không được bán ma túy cho bị cáo cũng như không được gọi điện thoại cho **N** để hẹn bán ma túy; Tiến hành kiểm tra điện thoại của **V** và **N** không có nội dung cuộc gọi nào vào ngày 12/5/2026 như bị cáo đã khai.

Ngày 01/7/2026, Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh S** có Công văn số 247/CV-CSMT, yêu cầu **Cục B1** cung cấp thông tin cuộc gọi giữa **N** và **V** ngày 12/5/2026, qua số thuê bao “0386019312” của **N** và số thuê bao “0357221135” của **V**. Kết quả: Không có cuộc gọi nào vào ngày 12/5/2026 của 02 số thuê bao trên. Ngoài lời khai của bị cáo không có căn nào khác để chứng minh việc Văn bán ma túy cho bị cáo nên không có căn cứ để xử lý **Lèo Văn V** về tội Mua bán trái phép chất ma túy, buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng khối lượng ma túy đã thu giữ trong vụ án.

Đối với hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” của **Cầm Văn N**: Kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể của **Cầm Văn N** ngày 12/5/2026 của **Công an xã C** và **Trạm y tế xã C**: Dương tính với chất ma túy trong cơ thể; Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, xác định bị cáo không thuộc chủ thể quy định tại Điều 256a Bộ luật hình sự. Do đó Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh S** không khởi tố bị cáo về tội Sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ.

[9] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Tại phiên tòa bị cáo có đề nghị xin được miễn án phí. Do đó cần miễn án phí hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

[10] Về thời hạn tạm giam: Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo **Cầm Văn N** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: **Cầm Văn N** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12 tháng 5 năm 2026.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong dán kín lại: Mặt trước phong bì ghi “ **H** lại mẫu giám

định vụ **Cầm Văn N** – Tàng trữ trái phép chất ma túy, bắt ngày 12/5/2026. Mẫu N = 0,52 gam”. Mặt sau phong bì tại mép giáp lai được dán giấy niêm phong của **Công an tỉnh S**, mã số: 0005602. Trên đoạn niêm phong có chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia niêm phong, cùng 01 dấu đỏ của **Phòng K - Công an tỉnh S**.

Trả lại cho bị cáo **Cầm Văn N** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A53.

*(Toàn bộ vật chứng trên hiện đang lưu trữ tại Kho vật chứng thuộc Phân trại tạm giam **Sông M**)*

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 10/9/2026.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 3;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- THAHS;
- Phòng THADS khu vực 3-Sơn La.
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Văn Thịnh

